

Bồ Tát Quán Âm Và Phẩm Phổ Môn



HT Thái Hòa
Diệu Hòa Trần Thuận Tiên

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 10-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Huy Nguyen - h.nguyen0@yahoo.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Vượt Thoát Tám Tai Nạn:

- 1.1 Vượt Thoát Tai Nạn Của Lửa*
- 1.2 Vượt Khỏi Tai Nạn Của Nước*
- 1.3 Vượt Thoát Khỏi Tai Nạn Gió Và Quỷ La Sát*
- 1.4 Vượt Thoát Khỏi Nạn Hình Sự*
- 1.5 Vượt thoát nạn quỷ Dạ Xoa*
- 1.6 Vượt Thoát Khỏi Nạn Gông Cùm*
- 1.7 Vượt Khỏi Nạn Giặc Cướp*

2. Chuyển Hóa Ba Căn Bản Phiền Não
 3. Thỏa Mãn Hai Ước Nguyện
 4. Ba Mươi Ba Ứng Thân
- PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH
- 1-Giới Học Phổ Môn
 - 2-Định Học Phổ Môn
 - 2.1 Chân Quán
 - 2.2 Thanh Tịnh Quán
 - 2.3 Quảng Đại Trí Tuệ Quán
 - 2.4 Bi Quán
 - 2.5 Từ Quán
 - 3-Tuệ Học Phổ Môn
 - 3.1 Toàn Diện Đối Với Tâm
 - 3.2 Toàn Diện Đối Với Cảnh
 - 3.3 Toàn Diện Đối Với Cả Tâm Và Cảnh
- TIN - HIỂU VÀ CẢM NHẬN

---o0o---

Ý NGHĨA VÀ DUYÊN KHỞI

Ở kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn là nói về Hạnh môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Phổ Môn, tiếng Phạn là Samantamukha. Samanta là phổ biến, cùng khắp. Mukha là cửa ngõ. Ngài La Thập, Trúc Pháp Hộ và Xà Na khuất Đa, đều dịch Samantamukha là Phổ Môn.

Phổ Môn nghĩa là cửa ngõ cùng khắp mọi nơi. Và là cửa ngõ giúp ta đi vào mùi như thị của mọi sự hiện hữu, để thấy rõ bất cứ sự hiện hữu nào cũng có mùi như thị, gồm: Tướng như thị, tính như thị, thể như thị, lực như thị, tác như thị, nhân như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị, bản mạt cứu cánh như thị¹. Phổ Môn là cánh cửa giúp ta đi vào thực tại, đi vào thực tướng của mọi sự hiện hữu qua mùi như thị ấy.

Lại nữa, Phổ có nghĩa là cùng khắp; Môn là môi trường. Phổ Môn là môi trường hoạt động cùng khắp của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bồ Tát Quán Thế Âm không phải chỉ hoạt động từ bi để diễn thuyết và hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở trong cửa ngõ vào và ra của nhân thiên hay môi trường của nhân thiên, mà còn diễn thuyết và hoằng truyền kinh Pháp Hoa cùng một lúc khắp cả mười phương pháp giới. Trong đó có Lục Phạm và Tứ Thánh.

* Lục Phàm:

1. *Thế giới của Địa Ngục*: Trong thế giới địa ngục cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, chứ không phải chỉ là một thế giới hay là một nhân duyên nghiệp quả. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới của Địa ngục, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

2. *Thế giới của Nga Quỷ*: Trong thế giới của nga quỷ cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, chứ không phải chỉ là một nhân duyên nghiệp quả. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của Nga quỷ, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

3. *Thế giới của Súc Sanh*: Trong thế giới súc sanh cũng vậy, chúng cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, không có nhân duyên nghiệp quả của chủng loại súc sanh nào giống chủng loại súc sanh nào, nghĩa là có vô số thế giới của súc sanh. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của súc sanh, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

4. *Thế giới của loài A Tu La*: Trong thế giới của các loài quỷ thần này, họ cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả. Và mọi hiện hữu ở trong thế giới của A Tu La, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

5. *Thế giới của loài người*: Trong thế giới của loài người cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả, không có nhân duyên nghiệp quả của người nào giống người nào, ngay cả trong một dòng dõi huyết thống, nhân duyên nghiệp quả của mỗi người cũng không ai giống ai, mỗi người là mỗi thế giới của nhân duyên nghiệp quả. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới loài người, mỗi sự hiện hữu cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

6. *Thế giới của chư Thiên*: Trong thế giới của chư Thiên cũng có vô số thế giới, vô số nhân duyên nghiệp quả khác nhau. Chư Thiên Dục giới không những nhân duyên nghiệp quả không đồng với chư Thiên các cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới đã đành, mà ngay nhân duyên nghiệp quả ở nơi các cõi trời Dục giới, họ cũng không đồng nhau, và ngay nơi chư Thiên của Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới; nhân duyên nghiệp quả tự thân của mỗi vị cũng không đồng nhau. Tự thân của mỗi thiên, mỗi nhân là mỗi thế giới. Và mọi sự hiện hữu ở trong thế giới của chư thiên, mỗi sự hiện hữu đều có đầy đủ cả mười như thị.

* Tứ Thánh:

1. *Thế giới của các Thánh giả Thanh Văn*: Mỗi Ngài lãnh hội Tứ Thánh Đế mỗi cách tùy theo nhân duyên nghe pháp, nhân duyên tri khổ, đoạn tận, chứng diệt, tu đạo của mỗi vị. Nhân và Pháp ở trong thế giới của các Thánh giả Thanh Văn, mỗi nhân và mỗi pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

2. *Thế giới của các Thánh giả Duyên Giác*: Mỗi Ngài lãnh hội lưu chuyển và hoàn diệt của giáo lý Mười hai duyên khởi mỗi cách, cũng tùy theo nhân duyên thiên quán sâu cạn của mỗi vị. Nên, mỗi vị cũng là mỗi thế giới tu chứng. Và Nhân cũng như Pháp ở trong thế giới của các Bậc Thánh giả Duyên Giác, mỗi nhân và mỗi pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

3. *Thế giới của Bồ Tát*: Mỗi Ngài tùy theo năng lượng của Bồ đề tâm mà phát khởi hạnh nguyện và tùy theo hạnh nguyện mà tạo thành cách hành động và cảnh giới của mình. Và Nhân cũng như Pháp ở trong thế giới của Bồ Tát, mỗi nhân và pháp cũng đều có đầy đủ cả mười như thị.

4. *Thế giới của chư Phật*: Cũng vậy, khi hành Bồ Tát đạo, tùy theo hạnh nguyện tu tập của mỗi Ngài, mà tạo thành cảnh giới tương ứng để giáo hóa. Và trong thế giới của chư Phật, mỗi sự hiện hữu cũng có đầy đủ cả mười như thị.

Do đó, trong mỗi pháp giới có nhiều thế giới, cho đến có vô số thế giới. Và trong tự thân nhân duyên của mỗi loài, hay của mọi sự hiện hữu đều có đầy đủ mười như thị, và trong mỗi pháp giới đều có đầy đủ cả Thập pháp giới.

Nên, nói Thập pháp giới là nói tổng quát, và nói chi tiết thì phải nói có vô số pháp giới hay vô số thế giới.

Vậy, Phổ Môn là pháp hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm, pháp hạnh ấy là cùng một lúc mà có mặt cả toàn thể pháp giới, cả mười pháp giới và cả vô số thế giới để đem hạnh không sợ hãi mà hiến tặng cho tất cả Phạm Thánh, và diễn thuyết Pháp Hoa cho tất cả sinh loại Thánh, Phạm cùng khắp hết thảy pháp giới trong mười phương. Đối với Lục phàm Bồ Tát Quán Thế Âm diễn giảng Kinh Pháp Hoa, khiến cho họ tu tập không còn sợ hãi đối với những khổ đau do “Phân đoạn sinh tử đem lại” mà khởi tâm Bồ Đề hướng tới Nhất Thừa Đạo. Và đối với các Thánh giả, Bồ Tát Quán Thế Âm diễn giảng Kinh Pháp Hoa, khiến cho các Thánh không còn khởi tâm sợ hãi đối với khổ đau do “Biến dịch sinh tử đem lại”, sẵn sàng buông bỏ các địa vị tu chứng có tính cách tạm thời mà vững tâm tiến về Nhất Thừa Phật Đạo.

Đối với ai chưa mở được Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng để cho họ mở Phật tri kiến, đối với ai chưa thấy Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng cho họ, để chỉ bày Phật tri kiến cho họ. Đối với ai chưa giác ngộ Phật tri kiến, thì Bồ Tát thuyết pháp một cách thích ứng để giác ngộ Phật tri kiến cho họ và đối với ai chưa thể nhập Phật tri kiến, thì Bồ Tát hóa thân thuyết pháp một cách thích hợp để cho họ thể nhập hoàn toàn Phật tri kiến.

Và, nếu đối với ai không có khả năng để tin rằng, tự thân mình có Phật tính và hết thấy chúng sanh đều có Phật tính; và đều có khả năng thành Phật, thì đối với hạnh Phổ môn, Bồ Tát Quán Thế Âm có thể biểu hiện thân thể và thuyết pháp một cách thích ứng, khiến cho họ sinh khởi đức tin rằng: “Ta và hết thấy chúng sanh đều có Phật tính, và tất cả đều có khả năng thành Phật”.

Nếu có bao nhiêu người cùng một lúc chưa có đức tin này, thì Bồ Tát biểu hiện có bấy nhiêu thân thể cùng một lúc, thích ứng để thuyết pháp, khiến cho tất cả họ, đều cùng một lúc sinh khởi đức tin ấy.

Nên, Phổ môn là pháp hành của Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Quán Thế Âm là người đang thực hành pháp môn phổ môn ấy.

Đối với kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Dược Vương là tiêu biểu cho hạnh môn về khổ hạnh và nhân mạnh đến thân hành thanh tịnh và đốt thân thanh tịnh để cúng dường Phật và pháp, nên Dược Vương Bồ Tát là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí thân một cách tuyệt đối.

Bồ Tát Diệu Âm đối với hạnh môn Pháp Hoa là tiêu biểu cho ngữ hành thanh tịnh và đem ngữ hành thanh tịnh ấy mà phụng sự chánh pháp, nên Bồ Tát Diệu Âm là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí pháp một cách tuyệt đối.

Và Bồ Tát Quán Thế Âm đối với kinh Pháp Hoa là vị Bồ Tát tiêu biểu cho ý hành thanh tịnh và đem ý hành thanh tịnh ấy mà phụng sự chánh pháp. Nên, Bồ Tát Quán Thế Âm là tiêu biểu cho vị Bồ Tát bố thí nghị lực, bố thí ý chí hay bố thí sự không sợ hãi một cách tuyệt đối.

Theo kinh Bi Hoa, trong thời kỳ quá khứ, có thế giới tên là Tán Đề Lam, thuộc kiếp Thiện Trì, bấy giờ có Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vị Thái tử của vua Vô Lượng Tịnh, phát Bồ đề tâm cúng dường Phật và Tăng tỷ khru ba tháng và phát nguyện, nếu có chúng sanh nào đang chịu khổ não trong ba ác đạo, họ liền nghĩ đến tôi, xưng niệm danh hiệu của tôi, tôi sẽ dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của họ, dùng thiên nhãn thấy họ mà họ không thoát khỏi khổ đau, tôi nguyện không thành tựu đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Bấy giờ, Đức Phật Bảo Tạng bảo với vị Thái tử ấy rằng: “Người nhìn hết thấy chúng sanh là vì muốn đoạn trừ hết thấy khổ đau cho họ, nên nay danh hiệu của Người là Quán Thế Âm”. Và Thái tử tức là Bồ Tát Quán Thế Âm đã được Đức Phật Bảo Tạng thọ ký thành Phật trong tương lai với bài kệ:

Đại Bi công đức
kim ưng hoàn khởi
địa lục chấn động
cập chur Phật giới.

Thập phương chư phật
đĩ thọ nhữ ký
đương thành vi phật
cổ ung hoan hỷ”.²

Nghĩa là:

*Công đức đại bi
nay, nên khởi lại
đất sáu chân động
cùng các cõi phật.
Các phật mười phương
thọ ký cho người
tương lai làm phật
nên, hãy vui lên.*

Và ở trong Đại Bi kinh: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói với Bồ Tát Tổng Trì Vương rằng: “Bồ Tát Quán Thế Âm từ vô lượng kiếp đã thành tựu tâm đại từ, đại bi, có khả năng thực hành vô lượng pháp môn, nắm giữ hết thầy thiện pháp một cách thông minh. Vì muốn làm cho hết thầy chúng sanh an lạc, nên mật phóng ra sức mạnh của thần thông vĩ đại”. Và Bồ Tát Quán Thế Âm cũng đã thưa với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng: “Thần chú Đại Bi này, từ vô lượng kiếp về trước, con đã được Đức Phật Thiên Quang Vương Tịnh Trụ trao truyền và dạy con rằng: Người hãy hành trì tâm chú này, để làm đại lợi ích cho khắp hết thầy chúng sanh vào đời ác trước trong tương lai”. Và cũng ở trong kinh này, Đức Phật Thích Ca đã nói với Tôn giả A Nan và đại chúng lúc bấy giờ ở Núi Phổ Đà rằng: “Oai lực của Bồ Tát Quán Thế Âm là không thể nghĩ bàn, ở vô lượng kiếp trong quá khứ vị Bồ Tát này đã làm Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, vì muốn phát khởi nguyện lực đại bi cho hết thầy Bồ Tát và vì muốn thành thực sự an lạc cho hết thầy chúng sanh mà hiện thân làm vị Bồ Tát vậy”.³

Nhưng, ở trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn này, Bồ Tát Vô Tận Ý đã thưa hỏi đức Phật Thích Ca rằng: “Bồ Tát Quán Thế Âm, vì do nhân duyên gì gọi là Quán Thế Âm?”.

Đức Phật Thích Ca đã trả lời cho Bồ Tát Vô Tận ý như sau:

“Hỡi Thiện Nam Tử! Nếu có vô số chúng sanh, bị nhân lấy mọi sự đau khổ, họ nghe nói đến Bồ Tát Quán Thế Âm, liền hết lòng xưng niệm danh hiệu

của Ngài, ngay lúc đó, Ngài nghe thấy âm thanh của họ và họ liền được giải thoát”.⁴

Đây là sự giải thích của đức Phật Thích Ca cho Bồ Tát Vô Tận Ý về ý nghĩa Bồ Tát Quán Thế Âm và duyên khởi phẩm Phổ Môn này, cũng chính do Bồ Tát Vô Tận Ý thưa hỏi, và nhân đó, đức Phật đã giải thích danh hiệu, cũng như hạnh môn của Bồ Tát Quán Thế Âm cho đại chúng nghe.

---o0o---

NỘI DUNG CHỦ YẾU

Nội dung của phẩm này là nói về Hạnh Môn và uy lực hóa độ của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hạnh Môn và uy lực hóa độ của Ngài gồm có:

1. Vượt Thoát Tám Tai Nạn:

1.1 Vượt Thoát Tám Tai Nạn Của Lửa

Kinh nói: “Nếu có người chấp trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì vị ấy vào trong lửa dữ, lửa ấy không thể đốt cháy, đó là do oai lực của Bồ Tát vậy”.

Lửa ở đây có ba loại: Thứ nhất là lửa thuần về vật lý. Thứ hai là lửa thuộc về hỏa đại ở trong các sinh thể và thứ ba là lửa thuộc về phiền não của tâm. Ba thứ lửa này có thể đốt cháy ta bất cứ lúc nào và ở đâu.

Do uy lực trì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm của ta, nên ba loại lửa ấy không thể đốt cháy được phước đức của ta. Mỗi khi đối diện với tai nạn, mà ta có phước đức, là ta có điều kiện để thoát khỏi. Tại sao? Do khi nhất tâm trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, ta niệm như vậy đúng với định lực và nguyện lực của Bồ Tát này, nên định lực từ bi, trí tuệ và phước đức trong ta phát khởi tiếp xúc và giao cảm được với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức vốn châu biến cả pháp giới của vị Bồ Tát ấy, tạo ra một nguồn năng lượng nhân duyên sinh động cực thiện, khiến thay đổi tình trạng của tai nạn. Lửa không thể cháy, vì nhân duyên của lửa cháy đã bị thay đổi. Nên, các loại lửa vật lý, lửa sinh thể, lửa phiền não của tâm đều bị dập tắt khiến cho thân tâm và hoàn cảnh của ta không bị đốt cháy bởi các thứ lửa ấy.

---o0o---

1.2 Vượt Khỏi Tai Nạn Của Nước

Kinh nói: “Nếu bị nước lớn cuốn trôi, mà trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, tức khắc liền được chỗ nước cạn”.

Nước ở đây cũng có ba loại: Thứ nhất, nước thuần vật lý. Thứ hai, nước thuộc về thủy đại ở trong các sinh thể. Thứ ba, nước là những chất liệu tham ái của tâm. Ba thứ nước này có thể nhận chìm và cuốn trôi ta bất cứ lúc nào và ở đâu.

Nước vật lý có thể nhận chìm và cuốn trôi ta ở nơi mưa lũ, thác ghềnh, sông biển.

Nước ở trong sinh thể có thể nhận chìm và cuốn trôi ta vào 101 tai họa bệnh khổ của thân.

Và nước tham ái của tâm cuốn trôi tất cả phước đức của ta, nhận chìm ta trong biển cả sinh tử.

Khi bị những tai nạn thuộc về nước như vậy, ta nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho các loại nước ấy không thể nhận chìm và cuốn trôi phước đức của ta.

Tại sao? Tại vì ta nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, niệm như vậy là đúng với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức của vị Bồ Tát này, nên định lực từ bi, trí tuệ và phước đức trong ta sinh khởi, tiếp xúc và giao cảm được với định lực và nguyện lực từ bi, trí tuệ và phước đức vốn châu biến cả pháp giới của vị Bồ Tát ấy, tạo ra một nguồn năng lượng nhân duyên sinh động cực thiện, khiến thay đổi tình trạng tai nạn của ta. Bấy giờ nước không thể cuốn trôi và nhận chìm ta được, vì nhân duyên tai nạn do nước gây nên đã hoàn toàn thay đổi. Nên, các loại nước gây tai nạn thuộc về vật lý, sinh học và tham ái của tâm đều bị khô kiệt, khiến cho thân tâm và hoàn cảnh của ta không bị cuốn trôi và nhận chìm bởi các thứ nước ấy.

---o0o---

1.3 Vượt Thoát Khỏi Tai Nạn Gió Và Quỷ La Sát

Kinh nói: “Nếu có trăm ngàn vạn ức người, vì tìm cầu vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, và những thứ quý báu cùng loại, khi đi vào biển cả, giả sử bị trận gió u ám, thổi thuyền tàu tấp vào đảo quốc quỷ La Sát, trong những người ấy, dầu đến chỉ có một người trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những người ấy vẫn thoát khỏi được tai họa quỷ La Sát. Vì những nhân duyên như vậy, nên gọi là Quán Thế Âm”.

Gió u ám: Hán gọi là hắc phong. Hắc phong là gió chướng, gió thổi mát bình thường, làm mờ mịt trời đất, khiến người đi bộ, đi trên tàu, trên biển, đi trên máy bay, không còn có khả năng định hướng để đi, nên rất dễ gặp tai nạn. Gió cũng có nhiều loại:

+ Gió là do thay đổi áp suất không khí, khiến cho không khí có sự chuyển động. Nên, gió là do sự chuyển động của không khí tạo nên. Gió này là gió thuộc về vật lý.

+ Gió nghiệp là gió do ác nghiệp của chúng sanh tạo nên. Gió ấy đẩy chúng sanh trôi dạt vào các ác đạo như địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh.

+ Gió phiền não là gió khởi lên từ tâm tham lam, sân hận, si mê, kiêu ngạo, tà kiến và chấp ngã. Gió ấy thổi lên và nhận chìm chúng sanh trong biển cả sinh tử.

+ Gió danh lợi là gió thổi và búng gốc rễ đạo đức, nhân ái của chúng ta.

Nhưng, ở trong phẩm kinh này, nói gió đen thổi mạnh và đẩy thuyền tàu của những người đi vào biển tìm châu ngọc tấp vào đảo quốc La Sát, mà nếu trong đó, có một người niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tất cả người trong thuyền đều thoát khỏi tai nạn quỷ La Sát.

Quỷ La Sát: là loài quỷ chuyên ăn thịt người, chúng có mặt khắp nơi, nhưng thường trú ngay ở hải đảo. Những người đi biển gặp phải gió xoáy đen làm mù mịt cả trời đất, biển cả, thuyền tàu trôi dạt vào đảo quốc La Sát như vậy, mà trong đó có một người nhất tâm trì niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thì tất cả mọi người trong thuyền đều thoát khỏi tai nạn quỷ La Sát.

Niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm trong lúc ấy, làm sinh khởi từ bi và định lực nơi ta và từ bi, định lực nơi loài La Sát, khiến phước đức và lòng từ bi nơi ta sinh khởi mãnh liệt, tác động vào hạt giống từ bi và trí tuệ nơi quỷ La Sát, khiến cho trong giờ phút ấy, ác tâm của họ không đủ điều kiện để sinh khởi; mà chỉ sinh khởi thiện tâm, khiến cho quỷ La Sát đã không ăn thịt người mà còn khởi lên từ tâm cứu giúp người thoát khỏi tai nạn.

Điều này chứng tỏ rằng, thiện tánh hay ác tánh ở nơi hết thảy chúng sanh không có nhất định, không có tự tánh. Nếu gặp thiện duyên, thì thiện tánh sinh khởi, nếu gặp ác duyên thì ác tánh phát sinh. Nên, khi đi vào biển cả bị gió xoáy, gió chướng làm thuyền tàu tấp vào đảo quốc La Sát, ta phải nhất tâm niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, là tạo nhân duyên tốt đẹp để thiện tánh nơi loài La Sát sinh khởi, và để cho từ bi tâm nơi loài La Sát khởi sinh. Một khi thiện tâm và từ bi tâm của quỷ La Sát sinh khởi qua danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, do ta nhất tâm xưng niệm, thì loài quỷ La Sát không khởi tâm hại ta, mà khởi tâm cứu ta là điều chúng ta có thể hiểu được. Quỷ

La Sát có thể là những hạt giống bất như ý ở trong tâm thức ta khởi lên, hay nô khí xung thiên trong ta nổi dậy, ta muốn ăn tươi nuốt sống người mà đã gây ra cho ta những bất như ý, chính lúc đó ta không còn là ta, mà ta là quỷ La Sát.

Lại nữa, quỷ La Sát là loài thích ăn thịt chúng sanh, nhất là thịt người. Vì trong tâm thức của loài này chứa đầy những hạt giống về nghiệp sát và hạt giống ấy luôn biểu hiện thường trực trong đời sống của chúng.

Nên, những loài thích ăn thịt chúng sanh, dù là ăn thịt bằng bất cứ cách nào, cũng đều có hạt giống của loài quỷ La Sát cả. Nếu những hạt giống ấy, khi có điều kiện mà biểu hiện quá mạnh, thì giây phút đó, ta không còn là người; ta là quỷ La Sát. Và nếu hạt giống ăn thịt của ta không biểu hiện đủ mạnh như quỷ, để thành quỷ La Sát, thì nó cũng biểu hiện sự thèm khát ăn thịt của loài chúng sanh như chó sói, cọp, beo, mèo, chồn, và giây phút ấy ta là những loài ấy. Bởi vậy, đối với quỷ La Sát chính hiệu hay là quỷ La Sát trá hình, hoặc thuộc về dòng họ quỷ La Sát, thì những hạt giống sát hại, nhân duyên sát hại, hành động sát hại, quả báo sát hại nơi những người ấy là những môi trường hoạt động thường trực của họ. Trong môi trường ấy, rất cần sự có mặt của Bồ Tát Quán Thế Âm, qua hình tướng, qua danh hiệu và nguyện lực từ bi của Ngài để làm thay đổi nhân duyên của nghiệp sát, khiến cho nghiệp sát trở thành hành động từ bi, chúng tử sát trở thành chúng tử nhân từ, khiêm ái, khi ta niệm tiếng Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, bằng tất cả tấm lòng tha thiết đầy từ bi và nguyện lực của ta.

---o0o---

1.4 Vượt Thoát Khỏi Nạn Hình Sự

Kinh nói: “Nếu có người sắp sửa bị đem ra hành hình mà trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì đao gậy trong tay đao phủ tức khắc gãy ra từng đoạn và người bị hành hình liền được thoát khỏi”.

Nạn hình sự, cũng gọi là vương nạn, là tai nạn do quyền lực của vua quan đem lại cho người dân và đem dân ra xử ở pháp đình theo vương pháp, qua những khí cụ như đao, gậy, hoặc để đâm chém cho chết, hoặc để đánh đập cho bị thương tích, nên cũng gọi là Đao trượng nạn.

Hoặc do oan mà rơi vào tai nạn hình sự, hoặc do tạo nhân hình sự mà rơi vào hậu quả của hình sự, hoặc bị pháp đình tuyên bố xử bắn, hoặc làm thương tích, hoặc bị kê án tù tội, trong những trường hợp ấy, người bị nạn trì niệm

danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm với tâm chí thành đều có hiệu quả tốt đẹp.

Tại sao? Tại do năng lực trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho năng lực từ bi và trí tuệ châu biến cả pháp giới của Ngài, tự xâm nhập vào tâm chí của người niệm, tạo thành năng lực trí tuệ, từ bi có khả năng gia trì, khiến cho người xử án đủ năng lực sáng suốt, để xét xử vấn đề một cách phân minh. Nếu người bị xử bị oan, thì sẽ được minh oan; Nếu người bị xử đúng tội danh, đúng tội chủng, đúng tội tướng và tội hình, thì tức thời được giáo huấn đạo đức, sớm phục thiện và được giảm án hoặc được bồi thường bằng tài vật, mà không bị tổn hại đến thân thể hoặc được tha bổng, tùy theo những trường hợp của vấn đề.

Nhưng, chắc chắn khi bị đem ra xét xử, mà người bị xét xử do niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì không thể bị gia hình, hoặc bị gia oan. Trái lại, tội nặng sẽ biến thành tội nhẹ và tội nhẹ chuyển thành vô tội. Dù vậy, nhưng công lý vẫn được tôn trọng. Tại tội do tâm, khi tâm đã hối hận và thay đổi bằng cách chí thành niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì tội danh, tội chủng, tội tướng và tội hình đều tùy thuộc theo sự thay đổi của tâm người phạm, mà tự thay đổi, và tâm của quan tòa cũng duyên theo tâm đổi thay của phạm nhân mà thay đổi cách xét xử và mức độ của bản án.

Nên, niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm mà vượt thoát khỏi tai nạn hình sự là điều có thể xảy ra và chúng ta có thể kiểm nghiệm từ nơi các phạm nhân và phiên tòa, dù rằng phạm nhân do niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm mà thoát khỏi nạn hình sự, nhưng công pháp vẫn được tôn trọng và công lý vẫn được bảo toàn.

---o0o---

1.5 Vượt thoát nạn quỷ Dạ Xoa

Kinh nói: “Nếu giả sử cả thế giới tam thiên và đại thiên, đầy cả quỷ Dạ Xoa, La Sát, những loài ấy muốn đến nỗi hại người nào, mà nghe người ấy, xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các loài quỷ dữ ấy, còn không thể dùng mắt để nhìn người ấy, huống nữa làm hại”.

Không những La Sát là loài quỷ dữ mà Dạ Xoa cũng là loài quỷ dữ. Quỷ Dạ Xoa là loài quỷ hay gây bệnh cho chúng sanh và thích hút tinh khí của người và chúng sanh.

Tại sao niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì các loài quỷ dữ này không thể dùng mắt để nhìn người niệm, huống là có hành động làm hại?

Tại vì Bồ Tát Quán Thế Âm đối với hết thảy các loài thiên nhân, thánh phàm, quỷ thần ..., không những Bồ Tát có ân đức cứu độ lớn đối với họ, mà còn có uy đức nhiếp phục lớn đối với hết thảy chúng sanh nữa.

Đối với chúng sanh nào, loài nào cần dùng ân đức để nhiếp phục, thì Bồ Tát Quán Thế Âm sử dụng ân đức để nhiếp phục và đối với những loài nào cần dùng uy đức để nhiếp phục, thì Bồ Tát liền dùng uy đức để nhiếp phục, và trong danh hiệu của Bồ Tát có chuyển tải đầy đủ cả hai chất liệu ân đức và uy đức ấy, nên khi nghe, niệm trì danh hiệu của Ngài, thì các loài quỷ này đã từng thọ ân giáo hóa, hoặc sợ hãi uy đức, khiến cho các loài quỷ ấy không dám đưa mắt dữ mà nhìn người đang trì niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Và, vì người trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là làm cho ân đức và uy đức của vị Bồ Tát này, đang có mặt một cách đích thực ở nơi thân tâm của người đang niệm, do uy đức đó, khiến cho các loài quỷ ấy, không thể nào đưa mắt dữ mà nhìn người đó, huống nữa là có hành động ám hại.

---o0o---

1.6 Vượt Thoát Khỏi Nạn Gông Cùm

Kinh nói: “Giả sử, lại có người có tội, hoặc không có tội, mà thân thể của họ bị gông cùm, trói buộc, xiềng xích, người ấy xưng trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì những dụng cụ trói buộc, gông cùm, xiềng xích ấy, đều bị đứt rã và người ấy liền được giải thoát”.

Đây là thần lực giải cứu người đang bị bắt tù, dù người đó là có tội hay không có tội. Người tù bị bắt trói nơi tay gọi là nữu (杻), bị trói nơi chân gọi là giới (械); bị trói ở cổ gọi là gia (枷); bị trói ở thân gọi là tóa (鎖).

Người bị bắt tù dù có tội, không có tội, bị bắt trói bằng bất cứ cách gì, người tù ấy biết khởi tâm giải thoát đối với ái nghiệp, đối với ái kiến, đối với sự chấp thủ ngã và khởi tâm sám hối đối với những tác nghiệp hiện tại và dư báo từ đời trước, rồi nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách chí thành, làm cho tự thân phát sinh định lực giải thoát và định lực giải thoát ấy, lại tiếp xúc và hội nhập được với định lực giải thoát châu biến pháp giới của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho cai tù sinh khởi từ tâm và tự tháo gỡ cho kẻ bị tù, hay làm cho người giám đốc nhà tù sinh khởi từ tâm, mà ra lệnh phóng thích cho người ở tù, hoặc làm cho cảnh nhà tù thay đổi, khiến hết thảy mọi sự gông cùm tự nhiên đứt rã.

Bồ Tát Quán Thế Âm còn gọi là Bồ Tát Quán Tự Tại, nên khi bị gông cùm, tù đầy, ta niệm danh hiệu của Ngài, khiến cho những hạt giống tự tại phát

khởi và lớn mạnh trong tâm ta, trong mọi suy nghĩ của ta, trong lời nói và hành động của ta, nên khi nhân duyên hội đủ, thì ta có sự tự do, sự tự tại và ta thoát khỏi lao ngục, xiềng xích, gông cùm một cách tự nhiên.

Và trong khi trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm như vậy, thân ta tuy đang bị gông cùm mà tâm ta đã bắt đầu có sự tự do. Ta càng trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì sự tự do trong tâm ta càng mở rộng. Và mỗi khi tâm đã có được sự tự do lớn, tâm sẽ giúp cho thân có tự do và tâm sẽ có khả năng tháo gỡ mọi sự hệ lụy và gông cùm cho thân.

Mỗi khi tâm ta đã có sự tự do, đã có giải thoát, thì việc thân thể bị gông cùm, bị xiềng xích không còn là quan trọng nữa. Trước sau gì thân cũng được tự do, giải thoát, bởi vì mọi sự tự do và giải thoát của thân hoàn toàn tùy thuộc vào sự tự do và giải thoát của tâm.

Đây là một sự thật mà ta có thể thực tập để chứng nghiệm lời dạy của Kinh.

---o0o---

1.7 Vượt Khỏi Nạn Giặc Cướp

Kinh nói: “Nếu trong tam thiên đại thiên thế giới đầy cả giặc cướp, có một thương chủ cầm đầu đoàn đi buôn, mang cầm vàng bạc quý trọng đi qua con đường hiểm; trong đoàn có một người xưng lên rằng: Hỡi các thiện nam tử, đừng sợ hãi, chúng ta hãy cùng nhau hét lòng xưng trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm! Vị Bồ Tát này có khả năng ban cho chúng sanh sự không sợ hãi. Chúng ta chấp trì danh hiệu của Ngài, thì sẽ thoát khỏi giặc cướp trên con đường hiểm này. Đoàn người đi buôn nghe nói, tất cả đồng thanh phát lên lời trì niệm Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm. Do xưng trì danh hiệu của vị Bồ Tát này mà tức khắc vượt thoát được nạn giặc cướp”.

Nạn giặc cướp là nạn cướp của, giết người. Con đường hiểm là trên con đường ấy, thường xảy ra tai nạn giết người, cướp của. Trong tình trạng đường hiểm, giặc cướp đón đường mà trong đoàn có một người xưng lên rằng, đừng sợ hãi, chúng ta cùng nhau xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, thì chúng ta sẽ thoát khỏi hiểm nạn này. Vì tất cả mọi người đều đồng thanh niệm danh hiệu Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm, tức thời họ đều thoát nạn.

Ở đây, con đường hiểm là bóng đêm, giặc cướp là những người thường hoạt động trong bóng đêm, chúng ta đi trong bóng đêm mà có dụng cụ của ánh sáng, lại cùng nhau có sức mạnh của đức Tin, có Niệm lực, có Tuệ lực và cùng nhau biểu hiện đức tin, biểu hiện niệm lực, biểu hiện tuệ lực, xưng

niệm danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chẳng khác nào, đi trong bóng đêm lại có ánh sáng bảo hộ, đối diện với giấc cướp lại có thiện pháp và thiện thần bảo hộ, làm cho giấc cướp tự nó rút lui không dám tung hoành, đây là điều mà chúng ta có thể lý giải được.

Ở mặt đạo lý, con đường hiểm là con đường sinh tử, giấc cướp là những tâm sở bất thiện ngày đêm hoạt động một cách tự do ở nơi tâm thức của mỗi chúng ta, chúng cướp hết thấy thiện pháp nơi tâm ta và giết chết giới thân tuệ mạng của mỗi chúng ta, khiến cho chúng ta không đi đến nơi an lạc của Niết Bàn. Trong tình trạng ấy, ta có bậc Thầy với Giới Định Tuệ vững chãi, khuyên ta nên niệm trì danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, thì ta có thể thoát khỏi sự quấy phá của đám giấc phiền não trên con đường hiểm sinh tử ấy, để bảo toàn giới thân tuệ mạng mà đi đến bờ bến Niết bàn.

Bậc Đạo Sư dạy ta niệm danh hiệu đức Bồ Tát Quán Thế Âm là giúp ta đưa chủ thể năng niệm nhập vào đối tượng sở niệm, tức là nhập vào đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho chất liệu đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm có mặt trong tâm trí của ta, soi chiếu vào tâm thức ta, khiến đám giấc phiền não trong tâm thức ta tự tan biến, trả lại sự yên tĩnh và tự do cho tâm hồn ta, khiến ta vượt qua được con đường hiểm của sinh tử mà đi về quê hương Niết Bàn một cách như ý.

Như vậy, niệm danh hiệu của đức Bồ Tát Quán Thế Âm, không những giúp ta vượt thoát được những tình trạng tệ nạn của xã hội, mà còn vượt thoát khỏi tệ nạn của tâm thức chúng ta nữa. Những tệ nạn của xã hội, chúng luôn luôn gắn liền với những tệ nạn của tâm thức. Những tệ nạn xã hội, chúng sinh khởi từ những tệ nạn của tâm thức, nếu tâm thức cá nhân và cộng đồng hoạt động trong sự yên tĩnh và thương yêu, thì mọi sinh hoạt xã hội tự nó đi về hướng tốt đẹp, và nhất định những tệ nạn của xã hội càng ngày càng giảm thiểu và sẽ chấm dứt.

---o0o---

2. Chuyển Hóa Ba Căn Bản Phiền Não

Kinh nói: “Nếu có chúng sanh tính nhiều dâm dục mà thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, thì liền thoát được tính ấy.

Nếu có chúng sanh tính nhiều sân hận, mà thường xuyên niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, liền thoát được tính ấy.

Nếu có chúng sanh tính nhiều ngu si, mà thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, thì liền thoát được tính ấy”.

Tham dục, sân hận và ngu si là ba thứ phiền não căn bản, liên hệ trực tiếp với ý nghiệp và qua ý nghiệp tác động lên thân nghiệp và ngữ nghiệp để tạo ra muôn ngàn tội lỗi dẫn đến khổ báo.

Dâm dục là một năng lực hoạt động sinh tồn của hết thảy chúng sanh ở trong dục giới. Năng lực ấy hoạt động không phải chúng do tác động và sinh khởi bởi những yếu tố thuần sinh học, mà chính chúng được tác động bởi những năng lượng hay ý chí sinh tồn, thèm khát và hưởng thụ có nội dung tâm lý.

Chính ý chí sinh tồn, thèm khát và hưởng thụ là tác nhân và những năng lượng vật lý hay sinh học là tác duyên làm điều kiện cho tác nhân sinh khởi.

Do đó, ta phải biết quản lý khả năng sinh tồn của chúng ta, ta không đẩy khả năng sinh tồn ấy đi về phía thấp kém, mà phải biết cách chuyển hóa khả năng sinh tồn ấy đi lên với những sinh hoạt cấp cao.

Ta phải biết đưa khả năng sinh tồn trong ta đi lên theo lý tưởng, bản hạnh và bản nguyện của Bồ Tát Quán thế Âm. Ta niệm trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm một cách cung kính, là ta có khả năng quản lý nguồn năng lượng sinh tồn của ta, và đẩy nguồn năng lượng sinh tồn ấy, đi lên với lý tưởng Từ bi, với bản nguyện cứu khổ, với bản hạnh độ đời của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì năng lượng sinh tồn ấy, không còn là năng lượng bức bách và não hại ta, mà nó giúp ta thăng hoa trong cuộc sống.

Do đó, ta phải biết chăm sóc năng lượng sinh tồn trong ta bằng chất liệu Từ bi và Trí tuệ của Bồ Tát Quán Thế Âm, thì chắc chắn tính dục, hay nguồn năng lượng sinh tồn trong ta sẽ được chuyển hóa và sẽ nhập vào nguồn năng lượng của đại bi và đại trí của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vấn đề này, không phải là lý luận hay lý thuyết mà là vấn đề của thực tập, thực nghiệm, chứng nghiệm và tự tri.

Nguồn năng lượng dâm dục vốn không có tự tính, chúng sinh khởi theo duyên, thì chúng tùy diệt hay chuyển hóa cũng theo duyên. Niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho các duyên đại bi và đại trí, đại nguyện và đại hạnh sinh khởi trong ta, làm thay đổi và chuyển hóa nguồn năng lượng sinh học thấp kém trong ta là điều có thể nhìn thấy, tiếp xúc và thực tập.

Sân hận cũng là một nguồn năng lượng thuộc về những hạt giống bất mãn đang vận hành trong tâm thức của mỗi chúng ta. Người nào có nhiều năng lượng này, người đó trong đời sống của họ có rất nhiều bất mãn và khổ đau.

Và chỉ có nguồn năng lượng của thương yêu, hỷ xả và bao dung mới có thể dập tắt và hóa giải nguồn năng lượng giận dữ của tâm thức này.

Sự chấp ngã càng lớn, thì sự kiêu mạn và giận dữ càng nhiều. Do đó, khi giận dữ khởi lên trong tâm thức ta, ta phải nhớ ngay đến Bồ Tát Quán Thế Âm và niệm danh hiệu của Ngài một cách cẩn trọng, để cho năng lượng Từ Bi, Hỷ Xả và Bao Dung của Ngài xâm nhập vào tâm ta, tác động hạt giống Từ Bi, Hỷ Xả và Bao Dung vốn có nơi tâm ta khởi dậy, để chúng hóa giải nguồn năng lượng giận dữ đang hoạt động và biểu hiện nơi tâm thức ta, khiến cho nguồn năng lượng giận dữ ấy lắng yên và từ từ tan biến.

Tâm ta không còn giận dữ, thì lời nói và hành động của ta không còn tạo nên những oán kêt và đổ vỡ cho bản thân, gia đình và xã hội.

Nguồn năng lượng giận dữ trong tâm ta, chúng vốn không có tự tánh, chúng biểu hiện do sự liên hệ giữa những tác nhân và tác duyên chấp ngã mà sinh khởi, do đó chúng sinh khởi do duyên, thì chúng tùy diệt hay chuyển hóa cũng theo duyên và do duyên.

Bởi vậy, khi trong ta có quá nhiều tính sân hận, thì phải thường xuyên niệm trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát có nguồn năng lượng Trí tuệ và Từ bi bao trùm cả pháp giới, khiến cho nguồn năng lượng ấy của Ngài, có cơ hội đi vào tâm thức ta và chuyển hóa những hạt giống giận dữ, sân hận trong tâm thức ta, thành Từ bi và Trí tuệ.

Năng lượng Trí tuệ và Từ bi của Bồ Tát Quán Thế Âm châu biến cả pháp giới là tha lực, là ngoại duyên, ta chấp trì danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm một cách thành khẩn để hạt giống Trí tuệ và Từ bi trong tâm thức ta phát khởi là tự lực, là nội nhân và nội duyên.

Tự lực và tha lực, nội nhân và ngoại duyên tác động lên nhau, phối hợp cùng nhau, chắc chắn những hạt giống giận dữ, sân hận trong tâm thức ta sẽ được thay thế và hóa giải bởi năng lượng Từ bi cao đẹp ấy.

Ngu si cũng là một nguồn năng lượng ô nhiễm căn bản của tâm thức. Tự mình sai lầm, không phân định được chánh tà, thiện ác, chân vọng, người như vậy gọi là ngu. Làm cho người khác mê lầm, không biết thế nào là chánh tà, thiện ác, chân vọng, đúng sai, người như vậy gọi là si. Ngu mà cộng với si, thì chỉ lao đầu vào bóng tối, rớt xuống vực thẳm, nhảy vào vạc dầu sôi, sa vào lò lửa lớn để tự thiêu, tự đốt, tự hại lấy mình.

Sống với thân trâu ngựa, bị kéo cày, chở nặng, chết bị phanh thây, chưa phải là khổ, cái khổ đích thực là do ngu si vô trí đem lại.

Với người nhiều ngu si như vậy, nếu chấp trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm một cách thành khẩn, thì sự ngu và si ấy cũng từ từ được chuyển hóa.

Tại sao? Do ta tha thiết trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên tâm ta từ từ có định, và mỗi khi tâm ta đã có định lực, thì tuệ sẽ có cơ sở để sinh khởi. Ánh sáng trí tuệ trong tâm ta phát sinh, thì sự ngu si trong tâm ta từ từ xóa sạch.

Do đó, nếu ta có quá nhiều ngu si, ta chỉ cần chấp trì danh hiệu của vị Bồ Tát này, thì ta cũng phát sinh được trí tuệ. Niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm là tác duyên để cho tâm ta được đi vào thiền định và dẫn khởi trí tuệ.

Như vậy, chúng ta thấy, chấp trì danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, không những giúp cho ta chuyển hóa khổ quả mà còn chuyển hóa khổ nhân, không những giúp ta làm thay đổi Khổ đế mà còn thay đổi Tập đế.

Bảy tai nạn được đề cập ở trước là khổ quả hay Khổ đế, ba căn bản phiền não gồm tham dục, sân hận, ngu si là khổ nhân hay Tập đế.

Biết khổ và muốn vượt thoát khổ đau là phải đoạn trừ nhân duyên sinh khởi chúng. Biết bảy tai nạn gồm lửa, nước, gió, quỷ La Sát, hình sự, quỷ Dạ Xoa, gông cùm tù tội, oán tặc, là những tai nạn của sinh tử, thì ta phải nỗ lực tu tập để đoạn trừ những độc tố căn bản của tâm là tham, sân, và si, chính từ nơi ba độc tố này, mà gây ra bảy tai nạn ở trên và có thể gây ra vô số tai nạn khác nữa.

Bởi vậy, ở phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa này, Bồ Tát Quán Thế Âm không những mở rộng cánh cửa, đưa ta đi vào thế giới của Khổ đế để thấy đủ thứ tai nạn, mà cũng còn mở rộng cánh cửa của Tập đế, để giúp ta thấy rõ những tập khởi của khổ đau, và cũng giúp ta thấy rõ con đường diệt khổ tức là Đạo để qua Tín căn và Tín lực, Tấn căn và Tấn lực, Niệm căn và Niệm lực, Định căn và Định lực, Tuệ căn và Tuệ lực.

Hãy tin vào uy lực và bản nguyện hóa độ của Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là Tín căn và Tín lực; hãy nỗ lực nắm lấy danh hiệu của Ngài để trì niệm, khiến cho những điều ác trong ta chưa sanh, thì không thể sanh; khiến cho những điều ác trong ta đã sanh liền bị hủy diệt; khiến cho những điều thiện trong ta chưa phát sanh liền phát sanh và những điều thiện trong ta đã phát sanh liền tăng trưởng liên tục, đó là Tấn căn và Tấn lực; hãy nắm lấy danh hiệu của Ngài, khiến danh hiệu ấy càng lúc càng hiện rõ và duy trì vững chãi trong sự trong sáng của ý thức và biểu hiện cụ thể qua các quan năng, và hãy duy trì nó qua các động tác đi đứng nằm ngồi hay mọi phong thái hoạt động, đó là Niệm căn và Niệm lực. Niệm căn và niệm lực như vậy, cho đến khi tâm ta không còn bị hôn trầm, dao động, nghi ngờ và sợ hãi, đó là Định căn và

Định lực. Định căn và Định lực như vậy, cho đến khi những khát ái, những chấp thủ, những tạo tác, những chủng tử luân chuyển tử sinh không còn hiện khởi, những vô minh và bóng dáng của nó đều bị xóa sạch, bấy giờ thấy rõ tự thân của thực tại, ấy là Tuệ căn và Tuệ lực. Và ngay khi đó, Thánh đạo vô lậu sinh khởi, liền thoát khỏi tai nạn sinh tử và được giải thoát, đó là thành tựu Diệt đế, bấy giờ Khổ đế và Tập đế hoàn toàn vắng bật.

Cho nên, phẩm Phổ môn của kinh Pháp Hoa đã giúp cho ta có cách nhìn từ cạn tới sâu, từ thấp tới cao, từ thô đến tế, từ tinh đến diệu, và từ một điểm cho đến châu biến cả pháp giới. Nên, ở trong pháp giới, ai cũng có thể thọ trì đọc tụng thực tập kinh Pháp Hoa và ai cũng có thể trì niệm danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm cả, vì danh hiệu ấy là danh hiệu của mọi pháp môn và là danh hiệu của Đại Bi và Đại Trí, có năng lực nắm giữ và duy trì hết thảy thiện pháp.

---o0o---

3. Thỏa Mãn Hai Ước Nguyện

Kinh nói: “Giả sử, nếu có người nữ nào muốn cầu con trai mà lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì liền sanh con trai, vừa có phước đức và vừa có trí tuệ”.

Giả sử, nếu có người nữ nào muốn cầu con gái mà lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm, thì liền sanh con gái đẹp, đoan chánh, có gốc rễ phước đức đã gieo trồng từ trước và đều được mọi người thương quý”.

Một trong những nỗi khổ của người nữ là khi lập gia đình mà không có con, hoặc có con mà chỉ là trai, hoặc chỉ là gái, hoặc trai và gái đều không có phước đức, trí tuệ, tướng hảo và đoan chính.

Như vậy, dù có sinh con hay không sinh con vẫn không được như ý muốn, vẫn đau khổ cả.

Bất như ý là một trong tám nỗi khổ đau thuộc về Khổ đế.

Để giải quyết Khổ đế này, phẩm Phổ môn kinh Pháp Hoa giúp cho người nữ sinh con theo ý muốn, qua đức tin cúng dường và lễ bái đối với Bồ Tát Quán Thế Âm.

Tín và Kính là hai chất liệu quý báu vốn có nơi tâm thức của mỗi chúng ta, nhưng do vọng niệm, do không có chánh niệm, khiến cho hai chất liệu ấy không thể biểu hiện.

Nên, khi người nữ tín và kính Bồ Tát Quán Thế Âm, biểu lộ và nuôi dưỡng sự tín kính ấy của họ, qua sự lễ bái và cúng dường đối với Ngài, thì phước đức, trí tuệ, tướng hảo và sự đoan chánh của người nữ sẽ phát sinh và lớn mạnh, cộng thêm sự gia trì lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, khiến cho người nữ ấy, có khả năng sinh con trai hoặc con gái theo ý muốn.

Lại nữa, từ nơi chất liệu tín và kính qua sự lễ bái, cúng dường đối với Bồ Tát Quán Thế Âm của người nữ, khiến cho phước đức, trí tuệ, tướng hảo và sự đoan chánh của họ sinh khởi phối hợp với sức Từ bi và nguyện lực của Bồ Tát Quán Thế Âm đang châu biến pháp giới làm tác duyên, khiến cho trung âm thân của những Thánh giả Nhất lai, hoặc Thất lai, hoặc của những vị Bồ Tát muốn thác hóa vào thân thể nhân loại để độ sinh, thì những vị ấy liền thác sinh vào làm con trai phước đức, trí tuệ hoặc là con gái tướng hảo đoan chánh của những người nữ có lòng tín kính đối với Bồ Tát Quán Thế Âm ấy.

Đây là điều không phải chỉ giải thích bằng đức tin mà ta cũng có thể giải thích nó về mặt tâm học và khoa học nữa.

Như vậy, việc sinh con theo ý muốn đã được kinh Pháp hoa đề xuất và có phương pháp thực hiện, nhưng với việc sinh con theo ý muốn, gần đây khoa học mới đề xuất và đã có những công trình thực nghiệm.

---o0o---

4. Ba Mươi Ba Ứng Thân

Phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có nêu ra Bồ Tát Quán Thế Âm biểu hiện ba mươi ba ứng thân thích hợp với căn cơ, nghiệp chủng, y báo, chánh báo của từng chủng loại trong mười pháp giới chúng sanh để thuyết pháp, nhằm biểu thị rằng, Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát đã đạt đến Lý, Sự tương dung. Nên đối với Lý tánh, hết thấy chúng sanh nương nơi Ngài mà thể nhập và đối với sự tướng, thì hết thấy chúng sanh nương nơi Ngài mà biểu hiện. Tuy, biểu hiện sự tướng mà không làm trở ngại bất cứ một sự tướng nào của chúng sanh trong toàn thể vũ trụ.

Kinh nêu rõ ba mươi ba ứng thân thích hợp là chỉ tiêu biểu, chứ thật ra chúng sanh trong mười phương pháp giới có bao nhiêu thể loại, có bao nhiêu tánh chất, có bao nhiêu sắc tướng, có bao nhiêu năng lực, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên, có bao nhiêu quả, có bao nhiêu nghiệp báo, thì Bồ Tát Quán Thế Âm có khả năng biểu hiện bấy nhiêu thân thể để diễn thuyết diệu pháp nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thấy họ.

Nên, ở phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Vô Tận ý đã hỏi đức Thế Tôn, việc du hóa của Bồ Tát Quán thế Âm nơi cõi Ta Bà là như thế nào, và Bồ tát Vô Tận Ý đã được đức Phật nêu ra cụ thể ba mươi ba ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm du hóa trong cõi Ta Bà.

Đức Phật nêu rõ các ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm như vậy, là nhằm biểu thị khả năng hoằng truyền kinh Pháp Hoa một cách phổ cập và sinh động của vị Bồ Tát này. Đồng thời không những giúp cho Bồ Tát Vô Tận Ý thấy rằng, chúng sanh có bao nhiêu ý niệm thì Bồ Tát Quán Thế Âm có bấy nhiêu hình thể thiên định để nhiếp phục ý niệm ấy. Và nếu chúng sanh có vô tận ý, thì bản nguyện độ sinh của Bồ Tát cũng vô cùng, mà ứng thân của Bồ Tát cũng vô tận.

Nên, trong bài học ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm đã giúp ta hiểu thêm các mặt như sau:

Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể giảng kinh Pháp Hoa.

Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể nghe kinh Pháp Hoa.

Bất cứ hình thức nào ta cũng có thể sống và thực hành kinh Pháp Hoa.

Vì sao? Vì kinh Pháp Hoa là kinh chỉ rõ diệu pháp ở nơi các pháp để cho chúng sanh thấy, biết mà ngộ nhập, nên kinh Pháp Hoa là kinh của tất cả pháp và là kinh đem lại quyền lợi cao nhất cho hết thảy chúng sanh, nên kinh ấy là kinh của chúng sanh, và hết thảy chúng sanh đều có bổn phận phải giữ gìn, đọc tụng, hành trì, tuyên thuyết và truyền bá cùng khắp.

---o0o---

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa có nêu lên các phương pháp thực hành như sau:

1-Giới Học Phổ Môn

Bài kệ sau đây là tiêu biểu cho giới học Phổ Môn:

“Bi thể giới lời chân

Từ ý diệu đại vân

Chú cam lồ pháp vũ

Diệt trừ phiền não diệt”.

Nghĩa là:

Giới pháp thể đại bi

Khởi thân oai như sám

Diệu pháp tâm đại từ

Như mây lớn phủ khắp

Rưới mưa pháp cam lồ

Dập tắt lửa phiền não.

Giới pháp của Phổ Môn, giới pháp ấy từ nơi bản thể đại bi do đại nguyện vô tận của ý, đại thể vô tận của ngữ và đại hạnh vô tận của thân mà sinh khởi và thành tựu.

Nên, Giới pháp này được gọi là Giới pháp Phổ môn. Giới pháp Phổ Môn lấy tâm đại bi làm bản thể; lấy tâm đại từ làm dụng, lấy hết thấy các tướng làm thân tướng cứu độ và sử dụng hết thấy âm thanh làm đối tượng quán âm để diễn bày diệu pháp.

Do đó, Giới Học Phổ Môn không phải chỉ giới hạn trong một thời mà tất cả thời. Không phải chỉ giới hạn trong một xứ mà tất cả xứ; không phải chỉ giới hạn trong một thân mà tất cả thân, không phải chỉ giới hạn trong một chủng loại mà tất cả chủng loại.

Như vậy, ta hành trì theo Giới Học Phổ Môn, thì bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu và bất cứ biểu hiện thân gì, ta đều hành động theo bản thể đại bi và theo tâm ý đại từ, để dập tắt phiền não cho hết thấy chúng sanh, đem lại sự an lạc cho muôn loài.

---o0o---

2-Định Học Phổ Môn

Bài kệ sau đây là tiêu biểu cho Định Học Phổ Môn:

“Chân quán, thanh tịnh quán,

Quảng đại trí tuệ quán,

Bi quán cập từ quán,

Thường nguyện, thường chiêm ngưỡng”.

Nghĩa là:

Quán chiếu đúng sự thật

Quán chiếu thật thanh tịnh

Quán chiếu trí tuệ lớn

Quán chiếu bằng đại bi

Quán chiếu bằng đại từ

Thường ước nguyện tu tập

Thường chiêm nghiệm ngưỡng mộ.

Trong bài kệ này đã đưa ra năm phương pháp thiền quán hay Định Học Phổ Môn như sau:

2.1 Chân Quán

Chân là chân thật, sự thật. Quán là nhìn sâu vào đối tượng. Đối tượng để cho ta nhìn sâu vào có thể là thân thể, có thể là các cảm giác, có thể là chủng tử tâm hành, có thể là các pháp ngoài tâm như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, và cũng có thể là các pháp ở nội tâm, như những ảnh tượng của sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp đang tồn đọng trên tâm, hoặc đã thành chủng tử và đang chìm sâu vào tàng thức. Và đối tượng để nhìn sâu ấy, cũng có thể là tổng thể của năm uẩn hay tự thân của mỗi uẩn.

Như vậy, Chân Quán là nhìn sâu vào các đối tượng để phát hiện sự thật đang có mặt ở nơi những đối tượng ấy.

Sự thật ở nơi các đối tượng mà Chân Quán Phổ Môn phát hiện là:

- + Hết thấy pháp không có pháp nào có tự thể thực hữu.
- + Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, và hạt giống Phật cũng sinh khởi do duyên.
- + Giáo pháp trong tam thừa là do đức Phật vận dụng, nên chúng là giả lập.
- + Nhất thừa pháp là pháp cứu cánh, pháp chân thật của chư Phật giáo hoá.
- + Bản thể chân như ở nơi các pháp đang sinh diệt của thế gian là bất diệt, nên bản thể tịch diệt của thế gian là bản thể thường trú, do đó đức Phật nói Nhất thừa để làm cho chúng sanh thấy được bản thể chân như ấy mà ngộ nhập.

Nên, Chân Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy làm cho hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu tập, thường ngưỡng mộ và thường chiêm nghiệm.

---o0o---

2.2 Thanh Tịnh Quán

Thanh Tịnh là trong sạch, trong sáng, không còn dơ bẩn. Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu có nội dung thanh tịnh. Sự quán chiếu trong suốt, sự quán chiếu không còn bị vô minh, khát ái, chấp thủ và nghiệp hữu làm vẩn đục. Và thanh tịnh quán là quán chiếu để thấy rõ bản thể vắng lặng ở nơi mọi sự hiện hữu. Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu trong suốt, không bị ngã tưởng ngăn ngại.

Do đó, Thanh Tịnh Quán là sự quán chiếu thấy rõ:

- + Giới thể đại bi là giới thể hoàn toàn thanh tịnh và châu biến pháp giới.
- + Báo thân và ứng hóa thân từ nơi pháp thân thanh tịnh mà hiện khởi để hóa độ chúng sanh.
- + Tích môn và hạnh môn từ nơi bản môn mà hiện khởi.
- + Phật tính là bản nguyên tự tánh thanh tịnh của hết thảy chúng sanh.
- + Và bản thể của các pháp xưa nay thường thanh tịnh và vắng lặng.

Nên, Thanh Tịnh Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy là xuyên suốt mọi pháp quán, khiến cho tâm của hành giả vẫn thường trú trong Niết Bàn mà thân của hành giả thì phổ biến cùng khắp cả mười phương để hóa độ chúng sanh mà vẫn không rời đương xứ tịch diệt.

Do đó, pháp quán này là pháp quán mà hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu tập, thường ngưỡng mộ và chiêm nghiệm.

---o0o---

2.3 Quảng Đại Trí Tuệ Quán

Quảng Đại Trí Tuệ là trí tuệ rộng lớn. Trí tuệ rộng lớn là Đại Bát Nhã. Quảng Đại Trí Tuệ Quán là sự quán chiếu bằng trí tuệ rộng lớn. Quán chiếu bằng trí tuệ rộng lớn, không những thấy tự tánh của năm uẩn là không, mà còn thấy tự thân của mỗi uẩn cũng đều là không, vốn không có tự tánh.

Do đó, Quảng Đại Trí Tuệ Quán là sự quán chiếu thấy rõ:

- + Ngã và pháp đều không
- + Thực tướng của các pháp là tịch diệt tướng, vô tướng, hay là không tướng.
- + Phiền não và Bồ đề không phải là hai thực thể tách biệt.

+ Niết Bàn và sinh tử, Phật và chúng sanh là hai mặt biểu hiện của tâm.

---o0o---

2.4 Bi Quán

Bi là đại bi, là khả năng cứu độ rộng lớn. Khả năng cứu độ ấy, không phải trong một chủng loại mà hết thảy chủng loại, không phải trong một phương mà khắp cả mười phương, không phải một pháp giới mà cả thập pháp giới. Khả năng cứu độ như vậy gọi là đại bi

Như vậy, Bi Quán là khả năng quán chiếu để thực hiện hạnh nguyện cứu độ rộng lớn, cứu độ toàn diện và cùng khắp.

Nên, Bi Quán là khả năng quán chiếu, để thấy rõ thể tánh chơn như giữa chủ thể cứu độ và đối tượng được cứu độ không phải là hai, chúng thiệp nhập vào nhau và nhất thể.

Do đó, Bi Quán là khả năng quán chiếu để xâm nhập vào thể tính bất nhị của pháp giới; và thường trú trong thể tính bất nhị ấy, mà biểu hiện thân tướng và bản nguyện để cứu khổ chúng sanh khắp cả pháp giới. Do Bi Quán mà khởi lên hạnh nguyện: “Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn và đoạn trừ vô tận phiền não”.

Nên, Bi Quán là pháp quán của Phổ Môn, pháp quán ấy làm cho hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu học, thường ngưỡng mộ và chiêm nghiệm.

---o0o---

2.5 Từ Quán

Từ là đại từ, là khả năng thương yêu và hiến tặng niềm vui rộng lớn cho tất cả muôn loài.

Khả năng ấy, không phải chỉ đối với một chủng loại mà hết thảy cả muôn loài; không phải chỉ đối với một phương mà khắp cả mười phương; không phải chỉ đối với một pháp giới mà khắp cả mười pháp giới. Khả năng thương yêu và hiến tặng niềm vui như vậy, gọi là đại từ.

Như vậy, Từ Quán là khả năng quán chiếu để thực hành hạnh nguyện thương yêu rộng lớn, toàn diện và cùng khắp, đem lại sự an lạc cho hết thảy chúng sanh.

Nên, Từ Quán là khả năng quán chiếu và ôm ấp nỗi đau và Bi Quán là khả năng quán chiếu để chuyển bạt nỗi đau thành những chất liệu hạnh phúc an lạc cho chúng sanh.

Bi Quán là bản thể cứu độ và Từ quán là tác dụng của sự cứu độ; Bi quán có khả năng đoạn trừ Tập đế, từ quán có khả năng đoạn trừ Khổ đế.

Do đó, Từ Quán là khả năng quán chiếu để xâm nhập vào mọi hiện trạng khổ đau của toàn thể chúng sanh trong pháp giới, nhằm thấy rõ thể tính chơn như giữa chủ thể thương yêu và đối tượng được thương yêu không phải là hai thực thể tồn tại cá biệt, mà chúng tương tác lên nhau và có mặt trong nhau.

Phân đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử là những nỗi sợ hãi thâm sâu, không phải là cá biệt mà là phổ biến cho hết thấy muôn loài, nên Từ Quán là khả năng mở rộng tấm lòng, mở rộng tầm nhìn và mở rộng vô số cánh tay để ôm ấp hết thấy chúng sanh đang bị những nỗi sợ hãi ấy vào lòng, vào nơi Từ nguyện của mình và dùng Từ tâm để xoa dịu và soi sáng; đồng thời dùng Bi quán để chuyển bạt không những những hạt giống vô minh, khát ái, chấp thủ tự ngã nơi tâm thức chúng sanh, mà còn chuyển bạt những hạt giống vô minh trụ địa, là những hạt giống lưu trú và lặn chìm tận đáy sâu tâm thức, nơi gốc rễ chế tác ra những vô minh, vọng tưởng về những ngã ái và pháp ái của chúng sanh nữa.

Nên, Từ Quán của Phổ Môn là khả năng biểu hiện vô số thân tướng tươi mát để đối thoại, chia sẻ và cảm thông với vô lượng nỗi khổ đau của chúng sanh, nhưng Bi quán của Phổ môn lại có khả năng biểu hiện vô số thân tướng hùng tráng để trực diện và thọc sâu vào tâm thức của chúng sanh, nhằm đánh bạt những sào huyệt tập khởi của chúng, nơi mà đã chế tác ra những chất liệu khổ đau.

Bi Quán có khả năng xóa sạch mọi vết thương lòng, mọi cấu uế của tâm và Từ quán lại có khả năng chăm sóc, khiến cho vết thương lòng không tái phát, và những cấu uế của tâm không còn điều kiện để biểu hiện.

Bởi, Từ Quán và Bi Quán của Phổ Môn là vậy, nên hành giả Pháp Hoa thường ước nguyện tu học, chiêm nghiệm và ngưỡng mộ pháp quán ấy.

---o0o---

3-Tuệ Học Phổ Môn

Tuệ Học Phổ Môn, ta thấy được diễn tả trong bài kệ sau đây:

“Vô cầu thanh tịnh quang
Tuệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai hỏa phong
Phổ minh chiếu thế gian”.⁵

Nghĩa là:

*Ánh sáng trong không bản,
Mặt trời tuệ phá ám,
Điều phục nạn gió lửa,
Chiếu sáng khắp thế gian.*

Bài kệ này nói lên Tuệ học của Phổ Môn.

Nói rằng, Tuệ học của Phổ Môn thanh tịnh, không ô nhiễm, nên không còn bị các phiền não làm chướng ngại và cũng không bị vô minh làm chướng ngại tuệ giác.

Nên, Tuệ học Phổ Môn có ba tác dụng cùng khắp và toàn diện:

3.1 Toàn Diện Đối Với Tâm

Đối với tâm Tuệ Học Phổ Môn có khả năng phá sạch hết phiền não chướng, sở tri chướng, đưa tâm trở lại với bản nguyên tự tánh thanh tịnh. Nên hai câu kệ đầu nói:

“Vô cầu thanh tịnh quang
tuệ nhật phá chư ám”.

“Vô cầu thanh tịnh quang” (ánh sáng trong, không dơ bản), là bản thể của tuệ giác, hay bản thể của tuệ học, và là bản thể của Niết Bàn tịch tịnh.

Do đó, “Vô cầu thanh tịnh quang” là một cách nói khác về Diệt đế.

Còn, “Tuệ nhật phá chư ám”, (mặt trời tuệ phá ám) là tác dụng của bản thể tuệ giác, hay tác dụng của bản thể tuệ học đối với các loại vô minh phiền não của chúng sanh trong pháp giới.

Hay nói cách khác, ấy là tác dụng của Diệt đế đối với Tập đế.

3.2 Toàn Diện Đối Với Cảnh

Đối với cảnh, Tuệ Học Phổ Môn có khả năng tác động làm thay đổi cảnh khổ đau thành cảnh an lạc, cảnh tai nạn thành cảnh an toàn.

Nên, câu kệ thứ ba nói: “Năng phục tai phong hoả” (điều phục nạn gió, lửa). Chỉ có Tuệ giác Phổ Môn mới có khả năng điều phục và chuyển hóa các tai nạn ở trong thế gian, mà câu kệ nêu lên hai tai nạn tiêu biểu là gió và lửa, nhưng tai nạn thâm sâu của thế gian là bị sinh tử, là sự sống chết không có tự do.

Tai nạn do lửa, nước, gió, quỷ, thiên tai, địa chấn, binh đao, vương nạn..., gốc vẫn từ nơi tham dục, sân hận, ngu si, chấp ngã của con người mà sinh ra.

Nên, điều phục và chế ngự các tai nạn ấy, chính là điều phục và chế ngự tâm xấu ác của con người, bằng Tuệ Giác Phổ Môn.

Với Tuệ Học Phổ Môn, ta điều phục và chế ngự các tai nạn thuộc Khổ đế bằng cách chế ngự và chuyển hoá những hạt giống gây ra tai nạn đang được huân tập và sinh khởi từ Tập đế.

Với sự điều phục và chế ngự như vậy, là sự chế ngự và điều phục tai nạn, điều phục Khổ đế có tính cách xuyên suốt và phổ biến từ nhân tới quả.

Đó là sự điều phục và chế ngự tai nạn của Tuệ Giác Phổ Môn.

Hay nói cách khác, đó là sự điều phục và chế ngự tai nạn của Đạo đế đối với Khổ đế và Tập đế.

---o0o---

3.3 Toàn Diện Đối Với Cả Tâm Và Cảnh

Tuệ Học Phổ môn soi chiếu cùng khắp tâm và cảnh của hết thảy chúng sanh trong pháp giới, đem lại lợi ích cho cả thế gian và xuất thế gian. Nên, câu sau cùng của bài kệ là “Phổ minh chiếu thế gian” (chiếu sáng khắp thế gian), tuệ giác ấy soi chiếu một cách bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh trong pháp giới không có kỳ thị, phân biệt, không bị ngăn che bởi cái gì. Và ánh sáng ấy cũng soi chiếu một cách bình đẳng đối với các bậc Hiền thánh ở trong các địa vị tu chứng, nhưng chúng sanh và các bậc Hiền thánh, tùy theo nhân duyên của mình, mà tiếp nhận và tiêu thụ ánh sáng tuệ giác ấy để thay đổi tâm cảnh, chuyển hoá thân tâm, nhằm trở thành và thể nhập hoàn toàn với tuệ giác ấy.

Do đó, “Phổ minh chiếu thể gian” là tuệ giác soi chiếu cùng khắp, nên cả chủ thể và đối tượng soi chiếu đã thiệp nhập vào nhau và cùng khắp trong nhau, không còn có bất cứ một sự ngăn ngại nào.

“Phổ minh chiếu thể gian” là tuệ giác toàn diện, tuệ giác xuyên suốt, từ bản thể đến hiện tượng, từ tâm đến cảnh, từ pháp thân đến ứng hóa thân, từ nhân đến quả, từ thể tính nhất như mà xuyên suốt hết thảy vạn tượng.

Bởi vậy, Tuệ Học Phổ môn là tuệ học xuyên suốt và toàn diện cả bản thể lẫn hiện tượng, cả tâm lẫn cảnh, cả Phạm lẫn Thánh.

Ngoài bài kệ trên, ta còn có bài kệ nói rõ về sự thực tập Tuệ Học Phổ môn như sau:

“Diệu âm, Quán Thế âm,
Phạm âm, Hải Triều âm,
Thắng bi thể gian âm,
Thị cố tu thường niệm”.⁶

Nghĩa là:

Tiếng nhiệm, tiếng nhìn đời

Tiếng phạm, tiếng hải triều

Tiếng vượt hẳn thể gian

Nên phải thường quán niệm.

Bài kệ này giúp ta nắm phương pháp quán chiếu của Tuệ học:

1. Diệu Âm: là âm thanh mâu nhiệm, âm thanh tinh tế và sâu thẳm.

Mọi âm thanh biểu hiện đều do duyên khởi không có tự tánh, và do không có tự tánh, nên mọi biểu hiện của mọi âm thanh đều là diệu hữu và vì là diệu hữu, nên âm thanh ấy gọi là Diệu Âm. Và chỉ có Diệu Âm mới diễn xướng diệu pháp.

Nên, hành giả Pháp Hoa phải lắng nghe mọi âm thanh phát ra từ các pháp duyên khởi, để thành tựu diệu trí, ngộ nhập diệu âm mà diễn xướng diệu pháp, và phổ cập diệu pháp đến cả muôn loài, nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho họ.

2. Quán Thế Âm: là âm thanh do nhìn cuộc đời mà diễn xướng; do quán chiếu về duyên khởi, về vô thường, về vô ngã mà nói ra; do quán chiếu về Khổ đế và Tập đế mà nói ra; do quán chiếu về Diệt đế và Đạo đế mà nói ra; do quán chiếu tính chất lưu chuyển và hoàn diệt của nguyên lý Mười hai

duyên khởi mà nói ra; do quán chiếu năm uẩn đều không có tự tánh mà nói ra; do quán chiếu tự tánh thanh tịnh của Lục độ mà nói ra; do quán chiếu Bồ đề hiện khởi từ phiền não mà nói ra; do quán chiếu Niết bàn có mặt ở trong sinh tử mà nói ra và do quán chiếu mà thấy hết thấy chúng sanh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật mà nói ra. Tiếng nói phát ra từ sự quán chiếu như vậy, gọi là Quán Thế Âm.

Như vậy, Quán Thế Âm là tiếng nói nhìn vào cuộc đời mà nói, trực diện với cuộc đời mà nói, nói đúng với tự thân của mọi sự hiện hữu giữa cuộc đời.

Tiếng nói như vậy là tiếng nói của chân trí đã thể nhập chân lý. Và trí lý bất nhị.

Nên, hành giả Pháp Hoa, phải học tiếng nói nhìn cuộc đời mà nói, để ngay nơi tiếng nói ấy là tiếng nói của diệu pháp, tiếng nói của Pháp Hoa, tiếng nói có khả năng khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy muôn loài.

3. Phạm Âm: là âm thanh giống Phạm thiên. Theo Bà La Môn giáo, Phạm Thiên là chúa tể sinh ra muôn loài, nên âm thanh của Phạm Thiên là âm thanh trong sạch và là khởi điểm của mọi âm thanh.

Nhưng, Phạm âm của Phổ Môn không phải hiểu theo nghĩa ấy.

Phạm âm của Phổ Môn là tiếng nói chân thật, tiếng nói đúng với thể tính chân như, đúng với giới thể đại bi, với thân tướng đại từ, với những hành động đại hỷ và đại xả.

Do đó, Phạm âm là tiếng nói phát ra từ bản thể đại bi. Ấy là tiếng nói của bình lặng và hùng tráng, có khả năng khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy muôn loài.

Đây là tiếng nói mà hành giả Pháp Hoa phải thường học tập và quán chiếu để thể nhập, nhằm tuyên diễn diệu pháp, khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy chúng sanh.

4. Hải Triều Âm: là âm thanh của sóng biển, tiếng nói của sóng biển, là tiếng nói sinh động phát ra từ pháp giới trùng trùng duyên khởi. Nên, tiếng nói này, không làm trở ngại tiếng nói kia, tiếng nói kia không làm trở ngại tiếng nói này, chúng tương tác lên nhau mà âm thanh phát ra liên tục và vô tận.

Âm thanh như vậy, là đối tượng của trí quán, để phát hiện ra tính không, không làm trở ngại hữu, và tính diệu hữu không làm trở ngại không. Chính tính không là diệu hữu và chính diệu hữu là tính không, chúng tương dung, tương nhiếp với nhau.

Do tuệ quán đối với âm thanh của sóng biển như thế, mà thành tựu trí tuệ chân thật, trí tuệ toàn giác.

Đây là tiếng nói mà hành giả Pháp Hoa phải thường học tập, quán chiếu và thể nhập, để có khả năng diễn xướng diệu pháp nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho muôn loài.

5. Thắng Bỉ Thế Gian Âm: là âm thanh vượt hẳn mọi âm thanh ở trong đời. Ấy là âm thanh xuất thế.

Như đức Thế Tôn nói:

“Đây là Khổ, đây là Tập, đây là Diệt, đây là Đạo. Đây là Khổ nên biết, đây là Tập nên đoạn, đây là Diệt nên chứng, đây là Đạo nên tu. Đây là Khổ đã biết, đây là Tập đã đoạn, đây là Diệt đã chứng, đây là Đạo đã tu.

Đây là Mười hai duyên khởi, đây là phần lưu chuyển của Mười hai duyên khởi, đây là phần hoàn diệt của Mười hai duyên khởi.”

Hoặc nói:

“Ta có sức phương tiện

Khai thị pháp tam thừa

Hết thảy Đấng Thế Tôn

Đều nói đạo Nhất thừa.

Nay trong đại chúng này

Hãy loại trừ nghi ngờ

Lời chư Phật giống nhau

Chỉ có pháp Nhất Thừa”.⁷

Nói bằng âm thanh như vậy, chính âm thanh ấy là âm thanh vượt hẳn mọi âm thanh của thế gian và xuất thế gian.

Những âm thanh như vậy, được nói lên từ trí tuệ của Bạc Toàn giác cho hết thảy chúng sanh và Hiền thánh trong pháp giới, nên những âm thanh ấy hành giả Pháp Hoa cần phải lắng nghe, học tập, quán chiếu để sinh khởi tuệ quán, nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới.

Trong năm loại âm thanh: Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm, Thắng Bỉ Thế Gian Âm, là sự phân định âm thanh theo từng loại đối tượng của tuệ quán.

Nhưng, ta quán chiếu cho thật sâu sắc, thì chúng là những âm thanh biểu hiện tùy theo mức độ thuần tịnh của tâm và mức độ sâu cạn của tuệ quán.

Ta lắng nghe và quán chiếu cho thật sâu sắc, ta sẽ nhận ra trong Diệu Âm lại có mặt của Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm và Thắng Bỉ Thế Gian Âm. Và ta lắng nghe và quán chiếu thật sâu sắc, thì trong mỗi âm đều có đủ các âm khác.

Do đó, năm loại âm thanh này là đối tượng của tuệ quán mà hành giả Pháp Hoa phải luôn luôn ghi nhớ để thực tập, nhằm sinh khởi tuệ giác Nhất thừa, hoằng truyền kinh Pháp Hoa cho hết thảy căn cơ chúng sinh khắp mọi nơi chốn.

---o0o---

TIN - HIỆU VÀ CẢM NHẬN

Đọc tụng, thọ trì và nghiên cứu Kinh Pháp Hoa, ta thấy rõ ở kinh Pháp Hoa không phải chỉ diễn tả về Bản Môn và Tích Môn, mà còn diễn tả về Hạnh Môn một cách linh hoạt và sống động nữa. Có những Nhà nghiên cứu Kinh Pháp Hoa cho rằng, mười bốn phẩm đầu là thuộc về Tích môn và tư tưởng chủ yếu của Tích Môn được gói trọn ở phẩm Phương Tiện, và mười bốn phẩm sau thuộc về Bản Môn, và tư tưởng chủ yếu được gói trọn ở phẩm Như Lai Thọ Lượng, nhưng ta đọc tụng, thọ trì và nghiên cứu kỹ, thì kinh Pháp Hoa không phải chỉ đề cập đến Bản Môn và Tích Môn mà còn đề cập đến Hạnh Môn nữa.

Phẩm Phổ Môn là một trong những phẩm diễn tả về Hạnh Môn của kinh Pháp Hoa. Và đọc tụng, thọ trì, nghiên cứu kỹ kinh Pháp Hoa, ta thấy trong mỗi phẩm của kinh Pháp Hoa đều hàm chứa đầy đủ cả Bản Môn, Tích Môn và Hạnh Môn. Ngay ở trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa, sự có mặt của Đức Phật Đa Bảo và Bảo tháp của Ngài là sự có mặt của Bản Môn. Và Đức Phật Thích Ca trả lời những câu hỏi của Bồ Tát Vô Tận Ý về hạnh nguyện và uy lực của Bồ Tát Quán Thế Âm, đó là sự có mặt của Hạnh Môn ở trong Tích Môn và Bản Môn. Sự có mặt của Đức Phật Đa Bảo và Tháp của Ngài ở trong phẩm này là sự có mặt của Bản Môn, để ấn chứng cho những gì đang diễn ra và đang được trình bày của Đức Phật Thích Ca ở Tích Môn là đúng với Bản Môn. Nghĩa là Đức Phật Đa Bảo là Đức Phật Bản Môn đã ấn chứng cho những gì Đức Phật Thích Ca nói với Bồ Tát Vô Tận Ý, về Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm là đúng như tự thân và bản thể của chính nó.

Bồ Tát Vô Tận Ý, sau khi nghe Đức Phật Thích Ca nói về Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, liền khởi tâm cung kính, cỡi ngay chuỗi ngọc châu Anh Lạc giá trị trăm ngàn lượng vàng mà cúng dường Bồ Tát

Quán Thế Âm, nhưng Bồ Tát Quán Thế Âm đã một mực từ chối không nhận. Bồ Tát Vô Tận Ý liền thưa với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Thưa Nhân giả! Xin Người hãy thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc này!”. Và bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nói với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Bồ Tát hãy thương Bồ Tát Vô Tận Ý này, cũng như hãy thương bốn chúng gồm Ưu bà tấ, Ưu bà di, Tỷ khưu, Tỷ Khưu Ni, hãy thương các Chúng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân và phi nhân..., mà hãy nhận lấy chuỗi ngọc châu Anh Lạc!”

Bấy giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm, vì thương tứ chúng, cũng như hết thấy chúng sanh, mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc, và sau đó, Bồ Tát liền chia chuỗi ngọc châu Anh Lạc làm hai phần, một phần dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và một phần dâng lên cúng dường Tháp của Đức Phật Đa Bảo”.⁸

Sự cúng dường chuỗi ngọc châu Anh Lạc của Bồ Tát Vô Tận Ý là nói lên sự tin, hiểu và cảm nhận sâu xa của mình đối với Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, sau khi Bồ Tát Vô Tận Ý đã nghe, Đức Phật Thích Ca giảng dạy về Hạnh Môn Pháp Hoa của vị Bồ Tát ấy. Và Bồ Tát Quán Thế Âm, vì thương Bồ Tát Vô Tận Ý, cũng như thương hết thấy chúng sanh, mà nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc và đã đem chuỗi ngọc châu Anh Lạc ấy, phân làm hai, một phần dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca, và một phần dâng lên cúng dường Tháp của Đức Phật Đa Bảo. Chính hành động cúng dường ấy của Bồ Tát Quán Thế Âm, là để khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến cho Bồ Tát Vô Tận Ý, khiến cho vị Bồ Tát này, tin và hiểu rằng: Hạnh Môn Pháp Hoa của Bồ Tát Quán Thế Âm, Bản Môn Pháp Hoa của Đức Phật Đa Bảo và Tích Môn Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca là ba mặt của Một Thực Tại Siêu Việt. Thực Tại Siêu Việt ấy, chính là Nhất Thừa Phật Đạo. Và đồng thời cũng đã nói lên rằng: Bồ Tát Quán Thế Âm đã nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc từ Bồ Tát Vô Tận Ý, và Ngài đã dâng chuỗi ngọc ấy, lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp của Phật Đa Bảo là để khai thị cho Bồ Tát Vô Tận Ý tin và hiểu rằng: Giữa đức Phật Bản Môn, Đức Phật Tích Môn và Bồ Tát Hạnh Môn chỉ là Một.

Trong Bồ Tát Hạnh Môn có Phật Bản Môn và có Phật Tích môn; trong Phật Bản Môn có Phật Tích Môn và có Bồ Tát Hạnh Môn, trong Phật Tích Môn có Phật Bản Môn và Bồ Tát Hạnh Môn, nên từ trong Bồ Tát Hạnh Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đang biểu hiện Bản Môn và Tích Môn, nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc cúng dường từ Bồ Tát Vô Tận Ý để dâng lên cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp Phật Đa Bảo, nhằm hướng dẫn sự tu tập của vị Bồ Tát này hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo.

Bồ Tát Vô Tận Ý ở trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa là tiêu biểu cho Bồ Tát Thừa; và Tứ chúng Tỷ khuru, Tỷ Khuru Ni, Ưu bà tát, Ưu bà di là tiêu biểu cho Thanh văn Thừa, cũng như hết thầy Đại chúng Trời, Người, A tu la..., là tiêu biểu cho Thiên Thừa và Nhân Thừa, đều đã được Bồ Tát Quán Thế Âm hướng dẫn phát tâm hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo. Và với Bồ Tát Hạnh Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đã từ chối nhận sự cúng dường chuỗi ngọc châu Anh Lạc của Bồ Tát Vô Tận Ý, nhưng đối với Bản Môn và Tích Môn, Bồ Tát Quán Thế Âm đã nhận chuỗi ngọc châu Anh Lạc để cúng dường Đức Phật Thích Ca và Tháp của Phật Đa Bảo, nhằm hiển thị rằng, mọi hoạt động của Bồ Tát là đều hướng đến Nhất Thừa Phật Đạo, mà không bị mắc kẹt ở nơi nhân và pháp của Bồ Tát Thừa. Nên, Bồ Tát Hạnh Môn chỉ là phương tiện của Phật Môn vậy.

Bởi vậy, Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm là Hạnh Môn luôn luôn gắn liền với hai chất liệu của Đại Bi và Đại Trí. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là tiêu biểu cho Hạnh Môn Đại Trí của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bấy giờ, Bồ Tát Quán Thế Âm ở ngay giữa đại chúng, gọi Tôn giả Xá Lợi Phất mà tuyên thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh với tất cả Đại Trí của mình. Theo Quảng bản Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh nói rằng: “Sau khi Bồ Tát Quán Tự Tại nói thần chú Bát Nhã Ba La Mật Đa xong, liền gọi Tôn giả Xá Lợi Phất và các vị Đại Bồ Tát mà nói rằng: Đối với Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm diệu, nên học như vậy, nên hành như vậy”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nơi hạnh phúc an lạc của thiền định mà xuất, gọi Bồ Tát Quán Thế Âm mà ca ngợi rằng: “Hỡi Thiện nam tử, thật tuyệt vời thay, thật tuyệt vời thay! Đúng như lời Người nói: Bát Nhã Ba La Mật Đa là rất thâm diệu, nếu hành trì, thì nên hành trì như vậy, hành đúng như vậy. Và khi ấy các Đức Như Lai cũng đều hoan hỷ”.

“Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói như vậy xong, Tôn giả Xá Lợi Phất, Bồ Tát Quán Thế Âm và hết thầy hội chúng Trời, Người, A tu la..., nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy, đều đại hoan hỷ, tín thọ và phụng hành”.⁹

Và, Thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, là tiêu biểu cho Hạnh Môn Đại Bi của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Bấy giờ, ngay giữa Đại chúng ở nơi Núi Phổ Đà, Bồ Tát Quán Thế Âm bạch với Đức Thế Tôn rằng: “Con có Thần chú Đà la ni của tâm đại bi, nay muốn tuyên thuyết: Vì muốn cho hết thầy chúng sanh có được sự an lạc; vì muốn loại trừ hết thầy bệnh tật cho chúng sanh; vì muốn cho hết thầy chúng sanh được sống lâu và giàu có; vì muốn diệt trừ hết thầy ác nghiệp và trọng tội cho chúng sanh; vì muốn cho hết thầy chúng sanh thoát ly chướng nạn; vì muốn tăng trưởng các công đức của pháp thanh tịnh cho chúng sanh; vì

muốn cho hết thảy chúng sanh thành tựu tất cả thiện căn; vì muốn cho hết thảy chúng sanh xa lìa tất cả những nỗi sợ hãi và vì muốn cho hết thảy chúng sanh nhanh chóng thành tựu mọi ước muốn, nên cúi xin đức Thế Tôn từ bi thương xót, chấp nhận cho con tuyên thuyết thần chú!”.

Bấy giờ, Đức Phật dạy với Bồ Tát Quán Thế Âm rằng: “Hỡi Thiện Nam Tử! Người vì tâm đại bi, muốn làm an lạc cho hết thảy chúng sanh, nên tuyên thuyết thần chú, nay là đúng lúc, cần phải nói một cách nhanh chóng, Như Lai tùy hỷ và Chư Phật cũng vậy”.¹⁰ Như vậy, Thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni là Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Đại Bi và Đại Trí là hai chất liệu tạo nên Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hai chất liệu Hạnh Môn này của Bồ Tát Quán Thế Âm là do Thần chú Đại Bi và Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh tạo thành, mà chính bản thân Bồ Tát Quán Thế Âm trực tiếp tuyên thuyết cho đại chúng lúc bấy giờ và đã được Đức Thế Tôn trực tiếp ấn chứng. Hai chất liệu tạo nên Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm này, đã ảnh hưởng toàn bộ lên đời sống tu học của hầu hết Tăng Ni Phật tử Á Châu theo truyền thống Bắc Phạn suốt cả một chiều dài lịch sử.

Hiện nay hầu hết nghi lễ tụng niệm của Tăng Ni Phật tử Việt Nam, mở đầu là tụng Thần chú Đại Bi và kết thúc bằng Bát Nhã Tâm Kinh, nghĩa là mở đầu bằng Đại Bi và kết thúc bằng Đại Trí. Đưa Đại Bi đi tới với Đại Trí và đưa Đại Trí rọi vào trong Đại Bi. Đại Trí và Đại Bi không thể tách rời nhau trong đời sống tu tập của Tăng Ni Phật tử.

Nên, Đại Bi và Đại Trí không thể nào thiếu trong một thời khóa nghi lễ, hay một thời khóa công phu tu tập, hoặc nơi mỗi hành động xuất xử của Tăng Ni Phật tử Việt Nam. Nếu thiếu một trong hai, những hành xử của người tu sẽ nghiêng về một phía, hoặc là quá siêu việt, hoặc là quá thực dụng. Người nào tu tập mà nghiêng về một trong hai phía, đời sống của người ấy, sẽ mất thăng bằng và có thể bị gãy đổ. Nên, hai chất liệu Đại Bi và Đại Trí gắn liền với nhau trong đời sống của một người biết tu tập, giống như đôi cánh chim gắn liền nơi thân thể của một con chim Đại Bàng.

Thần chú Đại Bi và Bát Nhã Tâm Kinh là Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Hạnh Môn ấy đã tạo thành những nét văn hóa, đạo đức, tín ngưỡng và phương pháp tu tập, kết hợp hài hòa độc đáo cho những người con Phật. Và đó là Hạnh Môn tu tập chuyển hóa tâm linh và độ đời một cách thiết thực và thâm diệu của Tăng Ni Phật tử Việt Nam đã trải qua rất nhiều thế hệ, và chính nó cũng đã tạo thành thể thống nhất, xuyên suốt, linh hoạt và độc đáo của Đạo Phật Việt Nam.

Nên, Hạnh Môn của Bồ Tát Quán Thế Âm được diễn tả ở phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa là tiêu biểu cho tính thể và tác dụng của một Đạo Phật xuyên suốt, thống nhất, sống động, độc đáo, và siêu việt ngay trong thực tế.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

Bài viết của HT Thích Thái Hòa

---o0o---

HẾT

¹ Mười như thị là căn cứ vào phẩm Phương tiện của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập, tr 5, Đại Chính 9. Ở phẩm Thiệm Quyền của Chánh Pháp Hoa Kinh, bản dịch của Ngài Trúc Pháp Hộ, tr 68, Đại Chính 9, không có mười như thị cụ thể như bản dịch của Ngài La Thập, nhưng chúng được diễn tả qua đoạn kinh như sau: “Như Lai giai liễu chư pháp sở do, từng hà sở lai chư pháp tự nhiên, phân biệt pháp mao chúng tướng, căn bản tri pháp tự nhiên = Nghĩa là: Như Lai đều biết rõ nhân duyên của các pháp, thể tính của các pháp do nhân duyên gì mà biểu hiện, biện biệt rõ ràng các hình tướng, dung mạo và gốc rễ, biết rõ tính thể của các pháp”. Trong Thiên Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bản dịch của Ngài Xà Na Quật Đa, tr 138, Đại Chính 9, cũng có đầy đủ Mười như thị như bản dịch của Ngài La Thập. Dịch bản Anh ngữ của Burton Watson cũng có đầy đủ cả mười như thị (The Lotus Sutra, P 24, Columbia University Press New York 1993). Thập như thị, trong bản Phạn văn hiện có trong Buddhist Sanskrit Texts – No 6, trang 21, như sau: Ye ca te dharmàh, yathà ca te dharmàh, yàdr’sàsca te dharmàh, yallaksanà’sca te dharmàh, yatsvabhàvà ‘sca te dharmàh, ye ca yathà ca yàdr’scà yallaksanà ‘sca yatsvabhàvà ‘sca te dharmà iti. Tesu dharmesu Tathàgta evam pratyakso’ paroksah.

² Kinh Bi Hoa, bản Hán dịch của Đàm Vô Sấm, tr 185-186, Đại Chính 3. Tham cứu thêm Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi Kinh, tr 251, Đại Chính 3.

³ Đại Bi Đà La Ni Kinh, bản Hán dịch của Già Phạm Đạt Ma, tr 106 – 110, Đại Chính 20.

⁴ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 56, Đại Chính 9.

⁵ Những kệ tụng tóm thâu mọi ý nghĩa của Giới Học Phổ Môn, Định Học Phổ Môn, Tuệ Học Phổ Môn, được dẫn ra từ kệ tụng Phổ Môn do Bồ Tát Vô Tận Ý toát yếu để trình lên Đức Phật. Phổ Môn Phẩm, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Bản Hán dịch của Ngài La Thập, tr 58, Đại Chính 9.

⁶ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 7, tr 58, Đại Chính 9.

⁷ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 8, Đại Chính 9.

⁸ Phổ Môn Phẩm, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, tr 7, Đại Chính 9.

⁹ Đại Chính 8, tr 850 – 852.

¹⁰ Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh, tr 106, Đại Chính 20.